



Người ký: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 10.10.2019
09:47:38 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2011/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 8 năm 2011

TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ÔNG VÂN ĐẾN

Số: 2346

Ngày 06 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TU ngày 16/7/2011 của Tỉnh ủy Tuyên Quang thông báo Kết luận hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ họp thứ 09;

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 327/TTr-SXD ngày 06/7/2011 về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm b, c, d khoản 1 Điều 1

"1. Quan điểm phát triển

b) Phát triển vật liệu xây dựng phải đảm bảo tính bền vững về các mặt, gắn hiệu quả kinh tế của nhà sản xuất với hiệu quả kinh tế xã hội chung. Bảo vệ và tiết kiệm tài nguyên, môi trường sinh thái, di tích văn hoá, lịch sử, cảnh quan và an ninh, quốc phòng.

c) Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở khai thác có hiệu quả thế mạnh về nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng của tỉnh và các thế mạnh liên quan đến lĩnh vực kinh tế xây dựng.

Ưu tiên phát triển nhóm vật liệu trên địa bàn tỉnh có thế mạnh như: xi măng, cát, sỏi, đá xây dựng, vật liệu xây (nung và không nung) và các loại vật liệu mới từ nguyên liệu địa phương, các loại vật liệu phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và các khu đô thị mới. Tiết kiệm tài nguyên khoáng sản bằng giải pháp đầu tư công nghệ tiên tiến trong khai thác chế biến. Khai thác sâu các mỏ lộ thiên, ưu tiên tạo ra các loại sản phẩm vật liệu có giá trị cao cùng một nguồn khoáng sản.

d) Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, khuyến khích, thu hút mọi nguồn lực vào phát triển sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Tạo điều kiện thuận lợi các thủ tục đầu tư, cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Khai thác tối đa công suất các cơ sở đã đầu tư. Hạn chế và chấm dứt tình trạng khai thác sản xuất trái phép, sản xuất nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu."

2. Bổ sung điểm a, sửa đổi các điểm b, d, e, h khoản 3 Điều 1

"3. Định hướng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020:

a) Xi măng:

- Ổn định và phát huy tối đa công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư.

- Triển khai xây dựng nhà máy xi măng Sơn Dương công suất 350 nghìn tấn/năm tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương vào năm 2011 theo lộ trình theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp xi măng của Chính phủ. Trong giai đoạn 2016 - 2020 đề nghị Chính phủ cho phép bổ sung vào quy hoạch, mở rộng công suất nhà máy lên gấp đôi.

- Trình Chính phủ cho bổ sung vào quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng 01 cơ sở sản xuất xi măng tại huyện Sơn Dương công suất 1,5 triệu tấn/ năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Vật liệu xây:

- Ổn định và phát huy tối đa công suất các nhà máy gạch tuynel đã đầu tư. Đầu tư chiều sâu cải tiến công nghệ sản xuất, phát triển các loại gạch có kích thước lớn, độ rỗng cao từ 40% trở lên nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

- Đầu tư mới cơ sở sản xuất gạch tuynel công suất 60 triệu viên/năm của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Viên Châu tại cụm các khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Long Bình An. Tiến tới di chuyển nhà máy gạch tuynel Viên Châu hiện nay ra khỏi thành phố Tuyên Quang sau năm 2020.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất gạch công nghệ lò tuynel, hoặc sản xuất theo các công nghệ tiên tiến khác với quy mô thích hợp ở những huyện có tiềm năng về nguồn nguyên liệu đất sét. Khuyến khích phát triển sản xuất gạch nung bằng nguyên liệu đất đồi và các loại đất ít hiệu quả trong nông nghiệp.

- Rà soát và tổ chức sắp xếp lại các cơ sở sản xuất gạch thủ công để chuyển sang sản xuất theo công nghệ tiên tiến (công nghệ lò tuynel, lò đứng liên tục hoặc các công nghệ khác) và phải đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng và môi trường của Việt Nam. Tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công năm 2015 tại các khu đô thị và khu dân cư và trên địa bàn tỉnh vào năm 2020,

- Phát triển sản xuất vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung, tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu than, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội. Phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô hợp lý, phù hợp với từng vùng, từng khu vực, sử dụng công nghệ tiên tiến, tận dụng tối đa các nguồn phế thải của các ngành công nghiệp khác, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thực tế thi công các công trình xây dựng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Phát triển sử dụng gạch không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 20-25% vào năm 2015, 30-40% vào năm 2020.

Khuyến khích các công trình xây dựng sử dụng vật liệu nhẹ, vật liệu xây không nung có độ rỗng 30% trở lên.

- Ưu tiên phát triển sản xuất và sử dụng các chủng loại sản phẩm gạch không nung gồm: gạch xi măng - cốt liệu, dự kiến đạt tỷ lệ khoảng 74% trên tổng số vật liệu xây không nung vào năm 2015 và 70% vào năm 2020; gạch nhẹ dự kiến đạt tỷ lệ khoảng 21% trên tổng số vật liệu xây không nung vào năm 2015 và 25% vào năm 2020; gạch không nung từ đất đồi, phế thải xây dựng, phế thải công nghiệp..., dự kiến đạt tỷ lệ khoảng 5% trên tổng số vật liệu xây không nung từ năm 2015.

d) Đá xây dựng:

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ khai thác đá xây dựng ở tất cả các cơ sở sản xuất hiện có, nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

- Phát triển các cơ sở sản xuất đá xây dựng với quy mô công suất phù hợp với từng vùng, từng khu vực. Khuyến khích các cơ sở sản xuất với quy mô công suất lớn, đầu tư dây chuyền nghiền sàng hiện đại, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm. Ưu tiên trong việc cấp, gia hạn giấy phép khai thác với thời gian dài hạn cho các cơ sở khai thác đá đáp ứng yêu cầu công suất từ 50 nghìn m³/năm trở lên. Đối các cơ sở khai thác đá có công suất nhỏ hơn 50 nghìn m³/năm chỉ được cấp phép khai thác tại những khu vực thuộc vùng sâu, vùng xa, khu vực có nhu cầu tiêu thụ thấp và chỉ được hoạt động trong thời gian ngắn (2-4 năm).

- Thu hồi giấy phép khai thác đối với các cơ sở khai thác kém hiệu quả, không đảm bảo điều kiện năng lực và không đảm bảo các quy định về môi trường và bảo vệ tài nguyên.

- Về sản lượng: Đầu tư nâng năng lực khai thác đá của thành phố Tuyên Quang và các huyện theo nhu cầu đá ở từng giai đoạn cụ thể.

e) Cát, sỏi xây dựng:

- Đẩy mạnh khai thác cát, sỏi trên các tuyến sông, suối trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu cát, sỏi cho xây dựng trong và ngoài tỉnh, trên cơ sở quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định về khai thác cát, sỏi lòng sông, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thu hồi giấy phép khai thác đối với các cơ sở khai thác không đảm bảo điều kiện năng lực, vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường và khai thác khoáng sản.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát thăm dò cát, sỏi và quy hoạch cấp mỏ cho những tổ chức cá nhân có năng lực khai thác, không cấp mỏ cho các tổ chức, cá nhân khai thác nhỏ lẻ.

- Không cấp giấy phép khai thác cát, sỏi tại các khu vực nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đê điều, đường bờ, đất nông nghiệp ở bãi bồi trên sông, hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, các cầu, cống bắc qua sông, kè bờ sông xung yếu, các khu vực nằm trong phạm vi hoạt động của các bến đò, bến cảng, bến phà, các khu vực có các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc các khu vực cơ nguy cơ sạt lở cao.

- Về sản lượng: Đầu tư phương tiện và thiết bị khai thác, nâng năng lực khai thác cát, sỏi của các doanh nghiệp trong tỉnh theo nhu cầu dự kiến đối với từng giai đoạn cụ thể.

h) Bê tông:

Công nghệ xây lắp trong giai đoạn tới sẽ ưu tiên sử dụng bê tông thương phẩm để đảm bảo chất lượng bê tông và vệ sinh môi trường, làm chủ công nghệ xây dựng nhà cao tầng, các công trình xây dựng có quy mô và sử dụng khối lượng bê tông lớn, công trình ngầm, công trình có khẩu độ lớn, để đáp ứng nhu cầu sử dụng khuyến khích phát triển một số cơ sở sản xuất bê tông tươi.

Tiếp tục phát triển sản xuất bê tông cấu kiện đúc sẵn dự ứng lực đáp ứng cho nhu cầu xây dựng khu nhà cao tầng, giao thông và công nghiệp. Phát triển đa dạng các loại bê tông đặc biệt khác đáp ứng ngày càng cao trong xây dựng như: bê tông nhẹ, bê tông nhẹ cường độ cao, bê tông chịu nhiệt, bê tông cách âm, cách nhiệt, bê tông tự đầm, bê tông tự chèn."

3. Bổ sung khoản 4 Điều 1

"4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

a) Đẩy mạnh việc huy động các nguồn vốn đầu tư, đề ra chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết nhiều thành phần kinh tế

cùng tham gia góp vốn; Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng vốn tự có, vốn tín dụng để đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị.

b) Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo đủ khả năng cạnh tranh với thị trường trong nước và nước ngoài.

c) Kết hợp khai thác, phát triển sản xuất vật liệu xây dựng với việc bảo vệ môi trường. Đề ra những phương án cụ thể để quản lý, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Đối với các cơ sở sản xuất, dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phải thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của quyết định phê duyệt và các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

d) Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chú trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Tổ chức tham quan, học tập trong nước và nước ngoài, tiếp cận với trình độ công nghệ mới. Mở rộng đào tạo tin học, ngoại ngữ, thị trường... Có chính sách thu hút nhân tài, đưa sự nghiệp phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh trở thành ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nhà nước về quy hoạch, phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên vật liệu xây dựng của địa phương và bảo vệ tốt môi trường.”

4. Sửa đổi Phụ lục số 01 (chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, TN&MT, CT, QP, GTVT, NN&PTNT, KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH địa phương;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Chuyên viên khối NCTH;
- Lưu VT. (Th-250)

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Châu Văn Lâm

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2020

TT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian
I	Xi măng		
1	Xi măng Sơn Dương (350 nghìn tấn/năm)	Xã Phúc Ứng - H. Sơn Dương	2011 - 2015 (năm 2016-2020 mở rộng công suất lên gấp 2 lần)
2	Xi măng Sơn Dương (1,5 triệu tấn/năm)	Huyện Sơn Dương	2016 - 2020 (theo quy hoạch của Chính phủ)
II	Vật liệu xây		
3	Gạch tuynel(60 triệu viên/năm)	Cụm các khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Long Bình An	2011-2015
4	Gạch tuynel(hoặc các công nghệ tiên tiến khác)	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2011 – 2015
5	Gạch tuynel(hoặc các công nghệ tiên tiến khác)	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá và các xã có đủ điều kiện đầu tư, thực hiện.	2012 – 2020
6	Gạch lò đứng liên tục	Tại tất cả các huyện	2011 -- 2015
7	Gạch không nung	Tại tất cả các huyện và các khu, cụm công nghiệp	2011 – 2015
III	Vật liệu lọc		
8	Tấm lọc kim loại	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 – 2010
9	Ngói xi măng cát	Cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hoá	2011 – 2015
IV	Đá xây dựng		
10	Đá xây dựng	Tại tất cả các huyện và thành phố	2011 - 2020
V	Cát sỏi xây dựng		
11	Cát xây dựng	Tại tất cả các huyện và thành phố	2011 - 2020
VI	Vật liệu hoàn thiện		
12	Gạch lát ceramic	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 – 2015

13	Gạch lát tự chèn	Khu công nghiệp Long Bình An	2011 - 2015
14	Gạch lát terrazzo	Điểm công nghiệp Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang	2011 - 2015
15	Đá ốp lát nhân tạo (tarastone)	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 - 2015
16	Đá ốp lát tự nhiên	Xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương	2011 - 2015
17	Tấm nhựa	Khu công nghiệp Long Bình An	2011 - 2015
18	Tấm xi măng cốt sợi gỗ	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 - 2015
19	Ván tre	Khu công nghiệp Long Bình An	2011 - 2015
20	Vật liệu polyme composite	Khu công nghiệp Long Bình An	2011 - 2015
VII	Bê tông		
21	Bê tông cấu kiện và bê tông tươi, bê tông atfan	Các khu, cụm công nghiệp, nhà máy xi măng, các huyện, phường Nông Tiến.	2011 - 2020
VIII	Khai thác chế biến khoáng sản		
22	Khai thác chế biến fenspat	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 - 2020
23	Khai thác chế biến cao lanh	Cụm công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2011 - 2020
24	Khai thác chế biến cao lanh	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2011 - 2020
IX	Vật liệu xây dựng khác		
	Các loại vật liệu xây dựng khác	Các khu, cụm công nghiệp, các huyện, phường Nông Tiến.	2011-2020